

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 73/2006/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan.

Điều 2. Đối tượng nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan là các tổ chức, cá nhân có hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được cơ quan hải quan thực hiện các công việc về hải quan có thu phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan ban hành kèm theo Quyết định này (trừ những trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này).

Điều 3. Không thu phí, lệ phí hải quan đối với các trường hợp sau:

1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân; đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hành lý mang theo người; hàng bưu phẩm, bưu kiện dưới 5 kg và có giá trị dưới 5 triệu đồng;
2. Hàng đang làm thủ tục hải quan phải lưu kho hải quan để ngày hôm sau hoàn thành thủ tục hải quan;
3. Hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ;
4. Áp tải tàu biển và hàng hóa, hành lý chuyên chở trên tàu biển từ phao số “Q” vào khu vực cảng biển và ngược lại.

Điều 4. Cơ quan hải quan được sử dụng toàn bộ (100%) tiền thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí, như: chi mua giấy niêm phong tự vỡ có tráng keo, niêm phong bằng dây nhựa, dây cáp thép và chốt seal container; chi phí kho bãi; chi phí in ấn chứng từ; chi phí dịch vụ truyền nhận, xử lý dữ liệu hải quan điện tử; chi hỗ trợ đầu tư, máy móc, thiết bị để thực hiện hiện đại hóa công tác làm thủ tục hải quan.

Điều 5.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 64/2005/QĐ-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số

6691639

45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, lệ phí, cơ quan thu phí, lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG**

Trương Chí Trung

09691639

**BIỂU MỨC THU
PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2006/QĐ-BTC
ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số thứ tự	Tên phí, lệ phí	Mức thu (đồng)	Đơn vị tính
1	Lệ phí làm thủ tục hải quan	30.000	Tờ khai
2	Lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh Việt Nam	300.000	Tờ khai
3	Phí niêm phong hải quan		
3.1	Niêm phong bằng giấy tự vỡ có tráng keo	1.000	Tờ
3.2	Niêm phong bằng dây nhựa	2.000	Dây
3.3	Niêm phong bằng dây cáp thép	5.000	Dây
3.4	Chốt seal container	12.000	Chốt seal

Ghi chú:

1. Hàng tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập chỉ thu lệ phí làm thủ tục hải quan một lần khi làm thủ tục nhập khẩu; hàng gửi kho ngoại quan chỉ thu lệ phí làm thủ tục hải quan một lần khi làm thủ tục nhập kho, khi xuất kho không thu.
2. Thời hạn nộp phí, lệ phí được quy định như sau:
 - a) Lệ phí làm thủ tục hải quan phải nộp trước khi cơ quan hải quan kiểm tra xác nhận “đã hoàn thành thủ tục hải quan”;
 - b) Lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh phải nộp ngay khi làm thủ tục cho hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh;
 - c) Phí niêm phong phải nộp ngay sau khi cơ quan hải quan hoàn thành công việc niêm phong.

Đối với các đối tượng có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thường xuyên hàng tháng và chấp hành tốt pháp luật về hải quan được nộp phí, lệ phí theo tháng; trong

thời gian 10 ngày đầu của tháng tiếp theo phải nộp hết số tiền phí, lệ phí của tháng trước theo quy định. Đối với các đối tượng áp dụng quy trình thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử thì thời hạn nộp phí, lệ phí được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quy trình thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Phí, lệ phí hải quan thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp đối tượng nộp phí, lệ phí hải quan có nhu cầu nộp bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi và được quy đổi từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ tự do chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí, lệ phí. Đối với các đồng ngoại tệ chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng thì xác định theo nguyên tắc tỷ giá tính chéo giữa tỷ giá đồng đô la Mỹ (USD) với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí, lệ phí./.

09691639